

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 189/2022/DS-ST
Ngày: 01-6-2022
V/v tranh chấp “Hợp đồng
vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Phương**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Đoàn Thanh Phong**

Ông **Nguyễn Văn Ba**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Huỳnh Thanh Tân**- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 455/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bích Th**, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: ấp Bình Kh 2, xã Bình Phục Nh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

+ Đại diện theo ủy quyền: Chị **Hồ Thị N**, sinh năm 1976; (có mặt).

Nơi cư trú: 82 Ô 2, Khu 1, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **Phạm Thị Thái Th**, sinh năm 1974; (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Thạnh K, xã An Thạnh Th, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh **Trương Thanh Nh**, sinh năm 1996; (vắng mặt)

- Anh **Trương Thanh Ngh**, sinh năm 2002; (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Thạnh K, xã An Thạnh Th, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị **Hồ Thị N** trình bày:

Do có quen biết trước nên vào tháng 9/2018 chị Nguyễn Thị Bích Th có cho chị Phạm Thị Thái Th vay số tiền 150.000.000 đồng (không có biên nhận, không thỏa thuận lãi suất). Ngày 02/7/2019 tại Trụ sở Công an thị trấn Chợ Gạo chị Th thừa nhận số nợ 150.000.000 đồng và hứa trả vào các ngày 20/8/2019, 20/9/2019, 20/10/2019 mỗi lần trả 50.000.000 đồng. Đến nay đã quá hạn cam kết nhưng chị Th không trả tiền cho chị Th.

Ngoài số tiền 150.000.000 đồng, vào các năm 2017, 2018 chị Th có 03 lần mượn tiền của chị Th với tổng số tiền 30.000.000 đồng (có ký biên nhận), cụ thể:

Lần 1: ngày 01/8/2017 mượn 5.000.000 đồng

Lần 2: ngày 05/11/2017 mượn 10.000.000 đồng

Lần 3: ngày 30/4/2018 mượn 20.000.000 đồng

Đối với số tiền mượn ngày 20/02/2018 chị Th không yêu cầu chị Th trả, nếu có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Tổng số tiền chị Th còn nợ chị Th là 180.000.000 đồng. Nay chị Th yêu cầu chị Th trả 180.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ tháng 11/2019 cho đến ngày xét xử.

+ Tại bản tự khai ngày 10/3/2021 và biên bản hòa giải ngày 17/3/2021 bị đơn chị Phạm Thị Thái Th trình bày:

Ngày 12/3/2017 AL có vay của chị Th số tiền 100.000.000 đồng để làm ăn, thỏa thuận lãi suất 8%/tháng, có làm biên nhận do chị Th giữ. Sau khi vay có đóng tiền lãi đầy đủ đến ngày 12/02/2019 AL thì ngưng, mỗi lần đóng lãi không có lập biên bản và chị không có tranh chấp số tiền lãi đã đóng. Đến ngày 02/7/2019 tại Công an thị trấn Chợ Gạo chị thừa nhận còn nợ chị Th số tiền 150.000.000 đồng, cam kết trả 03 lần vào các ngày 20/8/2019, 20/9/2019, 20/10/2019 mỗi lần trả 50.000.000 đồng, còn lại thì chị sắp xếp trả tiếp cho chị Th. Số tiền 150.000.000 đồng này bao gồm khoản tiền 50.000.000 đồng mà Trương Thanh Nh (con chị Th) nợ của chị Th. Tuy nhiên chị cũng đồng ý trả khoản nợ của Nh cho chị Th.

Sau đó con chị là Trương Thanh Ngh có trả cho chị Th 10.000.000 đồng, việc trả không có lập biên nhận hay giấy tờ gì. Như vậy tổng số tiền còn nợ chị Th là 140.000.000 đồng (gồm 90.000.000 đồng của chị Th nợ và 50.000.000 đồng của Nh nợ).

Số tiền 30.000.000 đồng vào các ngày 01/8/2017 mượn 5.000.000 đồng, ngày 05/11/2017 mượn 10.000.000 đồng, ngày 30/4/2018 mượn 20.000.000 đồng như phía chị Th trình bày thì chị Th đã trả xong. Chị Th thừa nhận chữ ký và chữ viết là của chị, khi trả tiền chị không yêu cầu chị Th hủy bỏ biên nhận.

Ngoài số tiền 140.000.000 đồng chị Th không vay của chị Th bất kỳ số tiền nào khác. Do hoàn cảnh khó khăn chị Th xin trả dần số tiền còn nợ mỗi tháng trả 1.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Hồ Thị N vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, và xác định chị Th không có cho chị Th mượn số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 12/3/2017, mà chỉ cho mượn số tiền 150.000.000 đồng vào tháng 9/2018 đã được chị Th thừa nhận tại biên bản hòa giải tại Công an thị trấn Chợ Gạo. Đối với số nợ 30.000.000 đồng và tiền nợ của con chị Th là khoản nợ khác không liên quan đến số tiền 150.000.000 đồng.

Bị đơn chị Phạm Thị Thái Th và người liên quan Trương Thanh Nh, Trương Thanh Ngh vắng mặt tại phiên tòa.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn chị Phạm Thị Thái Th trả 180.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ tháng 11/2019 cho đến khi xét xử là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Xét quan hệ pháp luật giữa các bên là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Bị đơn chị Phạm Thị Thái Th và người liên quan Trương Thanh Nh, Trương Thanh Ngh vắng mặt tại phiên tòa không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Th, anh Nh, anh Ngh.

[3] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền 180.000.000 đồng trên cơ sở giấy mượn tiền (BL 59) và biên bản thỏa thuận giải quyết tại Công an thị trấn Chợ Gạo ngày 02/7/2019. Giấy mượn tiền và biên bản thỏa thuận chị Th thừa nhận chữ viết, ký là của chị.

Xét biên bản thỏa thuận giải quyết có nội dung “... vào khoảng tháng 9/2018 chị Th có vay của chị Th 150.000.000 đồng hứa đến tháng 02/2019 trả xong nhưng đến nay do khó khăn chị Th chưa trả hết dẫn đến chị Th nhiều lần đòi tiền làm mất an ninh trật tự... Chị Th cam kết lần lượt trả 50.000.000 đồng vào các ngày

20/8/2019, 20/9/2019, 20/10/2019...”. Như vậy nội dung biên bản thỏa thuận giải quyết đã thể hiện chị Th còn thiếu chị Th 150.000.000 đồng là khoản vay vào khoảng tháng 9/2019. Tuy nhiên tại phần ý kiến của chị Th thể hiện “tôi cam kết trả số tiền 50 triệu đồng vào ngày 20/8/2019 cho chị Th (20 triệu dùng trả lãi, 30 triệu dùng trả gốc), sau đó tiếp tục trả 50 triệu vào các ngày 20/9/2019, 20/10/2019, sau đó sẽ thu xếp trả lãi phần tiền lại cho chị Th”. Nội dung ý kiến trình bày của chị Th có khác với nội dung được lập trên về việc trả 50.000.000 đồng lần đầu vào ngày 20/8/2019 (20 triệu dùng trả lãi, 30 triệu dùng trả gốc), nên Tòa án tiến hành mời các đương sự để đối chất làm rõ nội dung trên, tuy nhiên chị Th, anh Nh, anh Ngh không đến tham dự phiên đối chất, do đó Tòa án không thể làm rõ nội dung trên. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng lần đầu trả 30.000.000 đồng tiền vốn, 20.000.000 đồng tiền lãi, phần sau ý kiến của chị Th xác định: “sau đó sẽ sắp xếp trả lãi phần tiền còn lại cho chị Th”, nhưng ghi chưa được rõ.

Căn cứ nội dung thể hiện của biên bản thỏa thuận giải quyết ngày 02/7/2019 tại Công an thị trấn Chợ Gạo và giấy mượn tiền, lời thừa nhận của chị Th tại biên bản hòa giải ngày 17/3/2021 xác định chữ ký, chữ viết là của chị Th. Đã có cơ sở xác định chị Th có vay của chị Th tổng số tiền 150.000.000 đồng, do đó chị Th yêu cầu chị Th trả số nợ trên là có căn cứ.

Chị Th cho rằng chỉ nợ chị Th là 140.000.000 đồng (gồm 90.000.000 đồng của chị Th nợ và 50.000.000 đồng của Nh nợ). Đối với số tiền 30.000.000 đồng vào các ngày 01/8/2017 mượn 5.000.000 đồng, ngày 05/11/2017 mượn 10.000.000 đồng, ngày 30/4/2018 mượn 20.000.000 đồng chị Th đã trả xong, nhưng khi trả tiền chị không yêu cầu chị Th hủy bỏ biên nhận. Do hoàn cảnh khó khăn chị Th xin trả dần số tiền còn nợ mỗi tháng trả 1.000.000 đồng đến khi hết nợ. Lời trình bày của bị đơn không được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp nhận, không phù hợp với quy định pháp luật, không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ; chị Th không cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lãi suất được tính như sau: từ tháng 11/2019 đến tháng 5/202 (30 tháng)

$180.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 30 \text{ tháng} = 44.820.000 \text{ đồng}$

Từ các phân tích nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc chị Phạm Thị Thái Th phải trả cho chị Nguyễn Thị Bích Th tổng số tiền 224.820.000 đồng (vốn 180.000.000 đồng, lãi 44.820.000 đồng).

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là phù hợp với quá trình giải quyết vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Th.

Buộc chị chị Phạm Thị Thái Th phải trả cho chị Nguyễn Thị Bích Th tổng số tiền 224.820.000 đồng (vốn 180.000.000 đồng, lãi 44.820.000 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Phạm Thị Thái Th phải chịu 11.241.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn 4.986.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004545 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn, người liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Phương